TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. U M T **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 34**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 24/8/2017
V/v: "Ly hôn giữa bà T và ông P"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Dân

2. Bà Phạm Thị Lan

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện U M T.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện U M T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017, về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lý Thị T, sinh năm 1987.

HKTT: Số 74, Tổ 2, ấp M T, xã Mt, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Chổ ở hiện nay: Số nhà 74, ấp Đ Đ 2, xã V P, huyện V T, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Phan Minh P, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: Số 74, Tổ 2, ấp M T, xã Mt, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09/6/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lý Thị T trình bày: Bà T và ông P tự nguyện quen nhau được khoảng 06 năm, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Thuận, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/11/2009.

Lý do bà T yêu cầu xin ly hôn: Bà T cho rằng do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến về tài chính gia

đình, về cách nuôi dạy con cái. Nguyên nhân là do ông P sống không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, sống thiếu trách nhiệm với vợ con; vợ chồng thiếu quan tâm, chăm sóc và chia sẽ với nhau trong cuộc sống, từ đó đôi bên thường hay cự cãi với nhau. Cả hai đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cùng xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, sự cố gắng đó không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên đôi bên đã ly thân với nhau từ tháng 12/2016 đến nay.

Về con chung: Bà T xác nhận có 03 người con gồm: Phan Lý Minh P, sinh ngày 18/7/2009, Phan Lý Minh T, sinh ngày 13/4/2014 và Phan Lý Minh T, sinh ngày 11/7//2015.

Tại bản tự khai ngày 02/8/2017 người con tên Phan Lý Minh P có nguyện vọng muốn được sống với mẹ.

Về tài sản chung: Bà T và ông P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà T yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà T xin được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi 03 người con tên Phan Lý Minh P, sinh ngày 18/7/2009; Phan Lý Minh T, sinh ngày 13/4/2014 và Phan Lý Minh T, sinh ngày 11/7//2015. Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án có triệu tập ông P để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng ông P vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên tòa hợp lệ nhưng ông P vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn ông Phan Minh P.

Xét thấy, ông P chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện ly hôn của bà T tại Toà án. Tuy nhiên, Toà án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên toà hợp lệ, nhưng ông P cố tình lánh mặt không đến toà án.

[2] Nhận định về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa bà T xác nhận, bà T và ông P tự nguyện quen nhau được khoảng 06 năm, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Minh Thuận, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/11/2009, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng bà T, ông P không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc: Xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến, bà T cho rằng do ông P sống không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và sống thiếu trách nhiệm với vợ, con, từ đó đôi bên thường xuyên xảy ra cự cãi, xúc phạm nhau; vợ chồng không còn tin tưởng, thông cảm và quan tâm, chia sẽ với nhau trong cuộc sống. Tại phiên tòa, bà T thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, bà T và ông P đã ly thân với nhau từ tháng 12/2016 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông P đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T được ly hôn với ông P.

[4] Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi 03 người con tên Phan Lý Minh P, sinh ngày 18/7/2009; Phan Lý Minh T, sinh ngày 13/4/2014 và Phan Lý Minh T, sinh ngày 11/7/2015. Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện tại người con tên Phan Lý Minh P đã trên 07 tuổi. Tại bản tự khai ngày 02/8/2017 người con tên Phát thể hiện nguyện vọng muốn được sống với mẹ là bà T, còn hai người con tên Phan Lý Minh T và Phan Lý Minh T, trong đó người con tên Minh Thư dưới 03 tuổi, hiện do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Trong quá trình trông nom, nuôi dưỡng con, bà T đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người mẹ đối với con; đảm bảo được quyền lợi ích hợp pháp của con; luôn thương yêu con, chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Vì vậy, để đảm bảo môi trường sống, sự phát triển mọi mặt của con, cũng như tôn trọng nguyên vọng của con. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất: Giao bà T tiếp tục nuôi 03 người con tên Phan Lý Minh P, sinh ngày 18/7/2009; Phan Lý Minh T, sinh ngày 13/4/2014 và Phan Lý Minh T, sinh ngày 11/7/2015 là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T, ông P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tòa án có triệu tập ông Phan Minh P để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng ông P cố tình lánh mặt không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T. Trường hợp ông P có tranh chấp về chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lý Thị T và ông Phan Minh P.

2. Về con chung: Giao bà T tiếp tục nuôi 03 người con tên Phan Lý Minh P, sinh ngày 18/7/2009; Phan Lý Minh T, sinh ngày 13/4/2014 và Phan Lý Minh T, sinh ngày 11/7/2015. Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Bà T và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà T, ông P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn**:** Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Bà T đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006562, ngày 14/6/2017 tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện U M T, nên bà T được khấu trừ.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U M T;
- THA DS huyện U M T;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Tấn Nghĩa